

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/DS-PT.  
Ngày: 05 /11 /2018.  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Đình Nghệ.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Ông Nguyễn Đồng Khởi – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296A/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu vực A, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Thanh V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Đường N, phường J, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Hồ Yến N, sinh năm 1983.

Ông Hà Trọng H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Yến N là: Ông Hà Trọng H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hà Trọng Tr, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện K, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện F, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc B, bà Hồ Yến N, ông Hà Trọng H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B trình bày: Ngày 20/3/2015 (âl), vợ chồng bị đơn bà Hồ Yến N, ông Hà Trọng H có cầm cố cho bà một căn nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00833 do ông Hà Trọng H đứng tên để vay số tiền 313.000.000 đồng. Hình thức hợp đồng là làm văn bản, phía ông H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà B và bà B giao tiền (thế chấp), thời hạn vay là 12 tháng.

Tháng 9/2015 do ông H đang nợ bà Nguyễn Thị Thanh T (cháu dâu bà B) nên bà V hỏi bà để xin giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà đồng ý, sau đó một thời gian thì bà T cho rằng ông H đã lấy lại.

Bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H trả 313.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 09/5/2015 (al), bà B cho ông H và bà N vay 179.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 năm. Từ lúc vay đến nay không trả vốn, lãi. Bà B yêu cầu vợ chồng ông H trả nợ vốn 179.000.000 đồng và lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 179.000.000 đồng đối với khoản vay này, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Hà Trọng H và bà Hồ Yến N trình bày: Thừa nhận có ký vào hợp đồng cầm cố nhà, đất và có ký vào hợp đồng vay của bà B nhưng do bị ép buộc mới ký vào. Trong các khoản vay này thì ông Hà Trọng Tr là anh ruột của ông H đã trả dứt nợ cho vợ chồng ông H. Hiện nay vợ chồng ông không còn nợ gì với nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Buộc ông Hà Trọng H và bà Hồ Yến N trả cho bà Nguyễn Ngọc B 362.000.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/8/2017, ông Hà Trọng H và bà Hồ Yến N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung: Kháng cáo phần nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 313.000.000 đồng.

Ngày 04/8/2017, bà Nguyễn Ngọc B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung: Yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 179.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Ngọc B khởi kiện cho rằng, trong năm 2015 có cho vợ chồng bà N, ông H vay tiền 02 lần, tổng cộng số tiền là 492.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng), từ ngày vay đến nay bị đơn chưa hoàn trả tiền cho bà; Bị đơn bà N, ông H thừa nhận có vay số tiền trên của bà B nhưng cho rằng đã thanh toán xong cho bà B nên không đồng ý với yêu cầu của bà B.

[2] Bà B có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận có chữ ký dưới tên người vay tiền là Hà Trọng H, Hồ Yến N để chứng minh cho nội dung khởi kiện của mình, cụ thể: Biên nhận ngày 20/3/2015 (âl) số tiền 313.000.000 đồng, biên nhận ngày 09/5/2015 số tiền 179.000.000 đồng.

[3] Đối với số tiền 313.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 20/3/2015 (âl), quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng: Biên nhận nợ này nguyên đơn đã chuyển số nợ sang cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Phía bị đơn có làm biên nhận nợ với bà T vào ngày 20/10/2015 (âl) và bị đơn cũng đã thanh toán xong số nợ cho bà T nên biên nhận nợ này bị đơn không còn nợ bà B hay bà T nữa.

- Xét Biên nhận ngày 20/10/2015 do bị đơn cung cấp thể hiện nội dung: “Hà Trọng H, Hồ Yến N có nợ chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Bá L số tiền 291.800.000 đồng, số tiền này được trừ ra từ Biên nhận nợ 313.000.000 đồng của dì Nguyễn Ngọc B”. Tại biên bản đối chất ngày 06/8/2018, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trương Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của bà B cho rằng Biên nhận nợ mà phía bị đơn cung cấp là hoàn toàn sai sự thật, giữa bà T với bà B không có bất kỳ sự thỏa thuận nào về việc cản trừ nợ của bị đơn. Phía đại diện theo ủy quyền của bà B cũng cho rằng chữ ký với tư cách người làm chứng Nguyễn Ngọc B trong Biên nhận mà bị đơn cung cấp đây không phải là chữ ký của bà B mà do phía bị đơn giả mạo. Phía bị đơn và nguyên đơn đều không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ

ký mà yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

- Xét thấy, lời trình bày của bị đơn cho rằng đã thanh toán xong số tiền 313.000.000 đồng của Biên nhận nợ ngày 20/3/2015 (âl), không được bà B và bà T thừa nhận; phía bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ khác để chứng minh nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn với số tiền 313.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 20/3/2015 (âl).

- Bị đơn cho rằng đã thanh toán xong số tiền 313.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 20/3/2015 (âl) từ bà B chuyển giao sang cho bà Nguyễn Thanh T nếu bị đơn cung cấp được chứng cứ chứng minh thì bị đơn có quyền khởi kiện thành vụ án khác để đảm bảo quyền lợi cho mình.

[4] Đối với số tiền 179.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 09/5/2015, bị đơn cho rằng ông Hà Trọng Tr là anh ruột của ông H đã trả tiền xong cho nguyên đơn, do đó vợ chồng ông H không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào tiền của bà B.

Xét thấy, Biên nhận tiền phía trên đề ngày 19/8/2016, dưới mục người nhận tiền thì đề ngày 18/8/2016 (tại bút lục 102) của ông Hà Trọng Tr đã trả tiền cho bà Nguyễn Ngọc B thay cho ông Hà Trọng H với số tiền 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, biên nhận này không thể hiện trả khoản nợ nào, chỉ thể hiện nội dung nhận tiền. Bà B thừa nhận có nhận 130.000.000 đồng của ông Tr đã trả nợ thay cho ông H, bà N nhưng đây là khoản nợ khác không phải là 02 biên nhận mà bà khởi kiện và bà B đã chứng minh được số tiền bà nhận của ông Tr 130.000.000 đồng là để căn trừ cho khoản nợ 140.000.000 đồng (của các biên nhận với số tiền 90.000.000 đồng (bút lục 107), 30.000.000 đồng (bút lục 107) và 20.000.000 đồng (bút lục 105) và phía bà B đã nhận trực tiếp của bà N 10.000.000 đồng nên đã thanh toán xong đối với khoản nợ 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại khấu trừ số tiền 130.000.000 đồng mà bà B đã ký nhận tại Biên nhận tiền của ông Hà Trọng Tr (bút lục 102) vào số tiền 179.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 09/5/2015, buộc bị đơn phải tiếp tục trả 49.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn với số tiền 179.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 09/5/2015.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận; bị đơn ông Hà Trọng H và bà Hồ Yến N kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông, bà nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu; về thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành đúng theo qui định; về nội dung vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc B.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Yến N, ông Hà Trọng H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B.

Buộc bà Hồ Yến N và ông Hà Trọng H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc B với số tiền 492.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc B được nhận lại 12.169.800 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 0005369 và biên lai thu số 0005368 cùng ngày 09/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Bà Hồ Yến N, ông Hà Trọng H liên đới phải chịu 23.680.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc B được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009735 ngày 04/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Buộc bà Hồ Yến N, ông Hà Trọng H liên đới phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009730 ngày 02/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 05/11/2018.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Đình Nghệ**